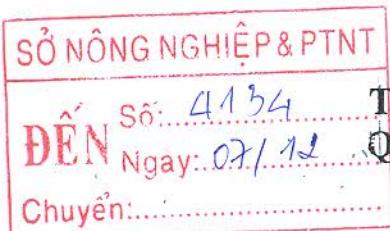


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

Số: 3861/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 05 tháng 12 năm 2020



QUYẾT ĐỊNH

Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết
Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp
tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 618/TTr-SNN ngày 23 tháng 11 năm 2020 và trên cơ sở ý kiến của
thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 30 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy
định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn
2021 - 2025, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân, trang trại
trực tiếp tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực
nông nghiệp, thủy sản (sau đây gọi là cơ sở) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
tham gia các hoạt động sản xuất lâm nghiệp (sau đây gọi là cơ sở) trên địa bàn
tỉnh Trà Vinh.

c) Cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước có liên quan đến việc hỗ
trợ chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2025
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Nội dung chính sách

a) Hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)

Hỗ trợ một lần tại chu kỳ sản xuất đầu tiên áp dụng VietGAP hoặc chu kỳ

tái sản xuất đối với những tổ chức cá nhân đã được chứng nhận áp dụng VietGAP nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ.

- Hỗ trợ 100% kinh phí xác định vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất theo VietGAP: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho cơ sở sản xuất để thuê tư vấn kỹ thuật, đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP.

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho cơ sở sản xuất để thuê tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP lần đầu hoặc cấp lại đối với các cơ sở chưa được hỗ trợ.

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua trang thiết bị sơ chế, bảo quản; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo GMP, SSOP, HACCP,...

- Sản phẩm trồng trọt

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua hạt giống hoặc cây giống tính theo giá thời điểm sản xuất. Đối với các cơ sở đã trồng sẵn cây ăn quả, cây dừa thì không hỗ trợ cây giống.

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% năm thứ hai đối với cây ăn quả, cây dừa; 50% kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho một vụ trồng mới (một chu kỳ sản xuất) đối với sản phẩm trồng trọt khác. Trường hợp sản xuất lúa giảm phát thải khí nhà kính theo phương pháp ngập khô xen kẽ và sử dụng phân bón thông minh hỗ trợ 50% kinh phí mua phân bón thông minh.

+ Hỗ trợ 30% kinh phí xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng (bao gồm: Đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải), 30% xây dựng nhà lưới, rau thủy canh.

+ Hỗ trợ chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 98/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy bơm tự động và thiết bị cảm biến mực nước.

- Sản phẩm chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, 30% kinh phí xây dựng hoặc cải tạo kho chứa nguyên liệu và thức ăn, kho chứa dụng cụ chăn nuôi, máy móc và trang thiết bị phục vụ chăn nuôi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống.

- Sản phẩm thủy sản

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, 30% kinh phí cải tạo ao nuôi, xây dựng hoặc cải tạo kho chứa thức ăn, thuốc thú y thủy sản, hóa chất phục vụ nuôi, máy

móc và trang thiết bị phục vụ nuôi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, nhà vệ sinh tự hoại (sử dụng cho người).

+ Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường trong ao nuôi; 30% kinh phí đầu tư hệ thống điều khiển máy cho ăn tự động đối với nuôi tôm thâm canh mật độ cao.

b) Hỗ trợ hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn

- Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh

+ Hỗ trợ một lần 30% kinh phí mua máy móc, thiết bị và đường ống nhựa phục vụ cho việc tưới tiêu; xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng (bao gồm: Đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải) vùng sản xuất tập trung; nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật sản xuất an toàn. Trường hợp cơ sở sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh đã được hỗ trợ kinh phí xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng, sau đó cơ sở áp dụng VietGAP thì không được hỗ trợ kinh phí xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng và ngược lại.

+ Hỗ trợ một lần chi phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem: 17.000.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới, rau thủy canh: Hỗ trợ một lần 30% kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới, rau thủy canh phục vụ sản xuất rau an toàn.

- Hỗ trợ chi phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh: Hỗ trợ một lần chi phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 20m²/cửa hàng. Mức hỗ trợ: 50.000.000 đồng/cửa hàng.

c) Hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dừa tập trung, vườn tạp, đất mía

- Hỗ trợ cải tạo, trồng mới vườn cây ăn quả, vườn cây dừa thành vùng tập trung: Hỗ trợ một lần kinh phí mua giống; kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật: 50% trong năm đầu và 30% năm thứ hai.

- Hỗ trợ chuyển đổi vườn tạp, đất trồng mía

+ Chuyển đổi sang các loại cây trồng, vật nuôi là cây, con chủ lực: Vườn tạp: Sang cây trồng, vật nuôi: 4.000.000 đồng/ha; sang nuôi thủy sản: 6.000.000 đồng/ha; Đất trồng mía: Sang cây trồng, vật nuôi: 6.000.000 đồng/ha; sang nuôi thủy sản: 10.000.000 đồng/ha.

+ Chuyển đổi các loại cây trồng, vật nuôi không là cây, con chủ lực: Vườn tạp: Sang cây trồng, vật nuôi: 3.000.000 đồng/ha; sang nuôi thủy sản: 4.000.000 đồng/ha; Đất trồng mía: Sang cây trồng, vật nuôi: 4.000.000 đồng/ha; sang nuôi thủy sản: 6.000.000 đồng/ha.

+ Ngoài chính sách hỗ trợ tại như trên, trường hợp cây trồng, vật nuôi chuyển đổi đáp ứng các điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết hoặc của các chính sách hỗ trợ khác thì được hỗ trợ thêm theo quy định.

d) Hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả

Hỗ trợ một lần chi phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho hộ sản xuất trực tiếp chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác. Mức hỗ trợ tối đa:

- Sản xuất bắp, đậu phộng: 10.000.000 đồng/ha.
- Sản xuất rau: 8.000.000 đồng/ha.
- Trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi: 6.000.000 đồng/ha.

d) Hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm

- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công tác tiêm phòng: Khoán xăng xe đi lại để tiêm phòng và điều trị gia súc, gia cầm bị bệnh, sốc vắc xin sau khi tiêm phòng vắc xin: 5.000 đồng/hộ/đợt tiêm.

- Hỗ trợ người dẫn đường tiêm phòng vắc xin hoặc dẫn đường khử trùng, tiêu độc: Người dẫn đường tiêm phòng vắc xin hoặc dẫn đường khử trùng, tiêu độc thì được hỗ trợ theo mức khoán: 5.000 đồng/hộ/đợt.

- Hỗ trợ gia súc, gia cầm bị sự cố khi tiêm phòng: Hộ chăn nuôi thực hiện tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm theo kế hoạch của tỉnh, khi gia súc, gia cầm xảy ra sự cố thì được hỗ trợ như sau:

+ Trường hợp gia súc, gia cầm chết và được cơ quan chuyên môn xác định nguyên nhân không do vắc xin hoặc không do quy trình, thao tác tiêm phòng sẽ được hỗ trợ theo điểm b khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

+ Trường hợp gia súc bị sẩy thai, gãy chân và được cơ quan chuyên môn xác định nguyên nhân không do vắc xin hoặc không do quy trình, thao tác tiêm phòng thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ gia súc, gia cầm chết.

- Chi phí tiêu hủy gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm: Gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm phải tiêu hủy do dịch bệnh (kể cả gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm do các lực lượng phòng, chống buôn lậu, trạm kiểm dịch động vật bắt buộc phải tiêu hủy) được hỗ trợ chi phí theo mức khoán (chi phí này bao gồm: Vật tư, chất đốt, hóa chất, khử trùng, tiêu độc), như sau: Trâu, bò: 200.000 đồng/con; Heo thịt: 50.000 đồng/con; Heo hậu bì, heo nái, đực giống: 100.000 đồng/con; Gia cầm: 3.000 đồng/con; Sản phẩm gia súc, gia cầm: 3.000 đồng/kg.

e) Hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP

- Hỗ trợ sản xuất sản phẩm OCOP: Hỗ trợ 100% thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm và xây dựng câu chuyện sản phẩm nhưng không quá 10.000.000 đồng/sản phẩm; một xã được hỗ trợ không quá 03 sản phẩm.

- Hỗ trợ chi phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP: Hỗ trợ chi phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm

OCOP với diện tích tối thiểu 20m²/cửa hàng, mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/cửa hàng.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại hoặc tham gia hội chợ triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí trung bày giới thiệu, tìm kiếm thị trường thông qua các hội chợ, triển lãm trong nước, ngoài nước. Chi phí tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và nhà phân phối để đưa các sản phẩm vào kênh phân phối.

- Hỗ trợ cơ sở có sản phẩm OCOP được nâng sao: Sản phẩm từ 03 sao (50 - 69 điểm) hoặc 04 sao (70 - 89 điểm) được nâng lên đạt 05 sao (90 - 100 điểm) hỗ trợ 10.000.000 đồng/sản phẩm; Sản phẩm từ 03 sao (50 - 69 điểm) được nâng lên đạt 04 sao (70 - 89 điểm) hỗ trợ 5.000.000 đồng/sản phẩm; Trường hợp sản phẩm đạt dưới 03 sao (50 - 69 điểm) được nâng lên đạt 05 sao (90 - 100 điểm) hoặc đạt 05 sao (90 - 100 điểm) ngay từ lần xét duyệt đầu tiên thì được hỗ trợ 20.000.000 đồng.

- Hỗ trợ mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất cho cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm đạt OCOP: Hỗ trợ 50% chi phí cho cơ sở, dự án, mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất có sản phẩm đạt OCOP. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500.000.000 đồng.

g) Hỗ trợ ngư dân lắp VMS trên tàu cá

Hỗ trợ một lần 50% kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị VMS nhưng không quá 10.500.000 đồng/máy và 100% cước phí mua thuê bao dịch vụ vệ tinh 24 tháng cho máy giám sát hành trình tàu cá nhưng không quá 240.000 đồng/máy/tháng.

h) Hỗ trợ phát triển trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ

- Hỗ trợ phát triển trồng rừng sản xuất (rừng Đước - *Rhizophora apiculata*): Hỗ trợ một lần chi phí trồng rừng sản xuất tối đa không quá 37.000.000 đồng/01 ha. Mật độ trồng tối thiểu 2.500 cây/ha.

- Hỗ trợ trồng cây phân tán: Hỗ trợ một lần 50% chi phí cây giống trồng cây phân tán tối đa không quá 20.000.000 đồng/01 ha. Quy đổi: 1.000 cây được tính 01 ha. Loại cây được hỗ trợ gồm: Keo lá Tràm - *Acacia auriculiformis A. Cunn. ex Benth*, Gõ Đỏ - *Afzelia xylocarpa*, Giáng Hương - *Pterocarpus macrocarpus Kurz*, Dầu Rái - *Dipterocarpus alatus*, Sao Đen - *Hopea odorata*, Sưa Đỏ - *Dalbergia Tonkinensis Prain*, Bằng Lăng Tím - *Lagerstroemia speciosa (L.) Pers.*

- Hỗ trợ về khoán bảo vệ rừng: Cơ sở được nhà nước khoán rừng phòng hộ để bảo vệ rừng được hỗ trợ trực tiếp bằng tiền là 500.000 đồng/01ha/năm.

3. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ

- Ước tổng kinh phí thực hiện chính sách: 390.619.200.000 đồng (Ba trăm chín mươi tỷ, sáu trăm mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng)

- Phân kỳ đầu tư:

+ Năm 2021: 79.401.800.000 đồng.

- + Năm 2022: 77.826.800.000 đồng.
- + Năm 2023: 77.826.800.000 đồng.
- + Năm 2024: 77.783.400.000 đồng.
- + Năm 2025: 77.783.400.000 đồng.

4. Nguồn kinh phí:

Ngân sách tỉnh, kinh phí Trung ương cấp, các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác (gọi chung là ngân sách tỉnh).

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh lập đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thống nhất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- BLD VP;
- Phòng TH-NV;
- Lưu: VT, NN. 034

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH ***



Lê Văn Hản